

Số: 2318/QĐ-UBND

Điện Biên Đông, ngày 11 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành hệ thống văn bản quản lý chất lượng
theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/20219;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Kế hoạch số 1129/KH-UBND ngày 07/5/2018 của UBND tỉnh Điện Biên về xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước;

Căn cứ Kế hoạch số 253/KH-UBND ngày 09/02/2022 của UBND huyện Điện Biên Đông về việc Duy trì áp dụng và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện và UBND các xã trên địa bàn huyện Điện Biên Đông năm 2022;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 của UBND huyện Điện Biên Đông (*Phụ lục kèm theo Quyết định này*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế - Hạ tầng, Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa và Thông tin, Tư pháp, Y tế, Dân tộc, Thanh tra huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lãnh đạo UBND Huyện
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Ngọc La

DANH MỤC HỆ THỐNG VĂN BẢN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2318/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của
UBND huyện Điện Biên Đông)

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần BH
Thủ tục, hướng dẫn theo mô hình hệ thống quản lý chất lượng			
1	Sổ tay chất lượng	STCL	01
2	Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản (tài liệu, hồ sơ)	QT-UBND-01	01
3	Quy trình quản lý rủi ro, cơ hội	QT-UBND-02	01
4	Quy trình đánh giá nội bộ và họp xem xét của lãnh đạo	QT-UBND-03	01
5	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc	QT-UBND-04	01
Quy trình giải quyết TTHC			
I.	PHÒNG GIÁO DỤC- ĐÀO TẠO		
1.	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	QT-GD-01	01
2.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	QT-GD-02	01
3.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	QT-GD-03	01
4.	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT-GD-04	01
5.	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	QT-GD-05	01
6.	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	QT-GD-06	01
7.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	QT-GD-07	01
8.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	QT-GD-08	01
9.	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	QT-GD-09	01
10.	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	QT-GD-10	01
11.	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	QT-GD-11	01
12.	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	QT-GD-12	01
13.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT-GD-13	01

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần BH
14.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại	QT-GD-14	01
15.	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở	QT-GD-15	01
16.	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	QT-GD-16	01
17.	Tuyển sinh trung học cơ sở	QT-GD-17	01
18.	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	QT-GD-18	01
19.	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	QT-GD-19	01
20.	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	QT-GD-20	01
21.	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT-GD-21	01
22.	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú	QT-GD-22	01
23.	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục	QT-GD-23	01
24.	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú	QT-GD-24	01
25.	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú	QT-GD-25	01
26.	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	QT-GD-26	01
27.	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	QT-GD-27	01
28.	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	QT-GD-28	01
29.	Quy trình đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã	QT-GD-29	01
30.	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT-GD-30	01
31.	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT-GD-31	01
32.	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn	QT-GD-32	01
33.	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	QT-GD-33	01
34.	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	QT-GD-34	01

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần BH
35.	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	QT-GD-35	01
36.	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	QT-GD-36	01
II.	PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG		
37.	Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-KTHT-01	01
38.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-KTHT-02	01
39.	Cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-KTHT-03	01
40.	Cấp giấy phép bán lẻ rượu	QT-KTHT-04	01
41.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ rượu	QT-KTHT-05	01
42.	Cấp lại giấy phép bán lẻ rượu	QT-KTHT-06	01
43.	Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-KTHT-07	01
44.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-KTHT-08	01
45.	Cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-KTHT-09	01
46.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-KTHT-10	01
47.	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-KTHT-11	01
48.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-KTHT-12	01
49.	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-KTHT-13	01
50.	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-KTHT-14	01
51.	Cấp lại GPXD đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo	QT-KTHT-15	01

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần BH
	tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ		
52.	Gia hạn GPXD đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-KTHT-16	01
53.	Cấp điều chỉnh GPXD đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-KTHT-17	01
54.	Cấp GPXD đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-KTHT-18	01
55.	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	QT-KTHT-19	01
56.	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	QT-KTHT-20	01
57.	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	QT-KTHT-21	01
58.	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.	QT-KTHT-22	01
59.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	QT-KTHT-23	01
60.	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	QT-KTHT-24	01
61.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	QT-KTHT-25	01
62.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	QT-KTHT-26	01

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần BH
63.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT-KTHT-27	01
64.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT-KTHT-28	01
65.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	QT-KTHT-29	01
66.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	QT-KTHT-30	01
67.	Xóa chứng nhận đăng ký phương tiện	QT-KTHT-31	01
68.	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	QT-KTHT-32	01
69.	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	QT-KTHT-33	01
70.	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	QT-KTHT-34	01
71.	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bên thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	QT-KTHT-35	01
72.	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	QT-KTHT-36	01
73.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	QT-KTHT-37	01
74.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	QT-KTHT-38	01
III.	PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN		
75.	Hỗ trợ dự án liên kết	QT-NN-01	01
76.	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh phân cấp (UBND huyện phê duyệt)	QT-NN-02	01
77.	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND huyện	QT-NN-03	01
78.	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND huyện.	QT-NN-04	01
79.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi	QT-NN-05	01

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần BH
	công thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên).		
80.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên).	QT-NN-06	01
81.	Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh	QT-NN-07	01
82.	Bố trí ổn định dân cư trong huyện	QT-NN-08	01
83.	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	QT-NN-09	01
84.	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	QT-NN-10	01
85.	Xác nhận bảng kê gỗ nhập khẩu khi thực hiện thủ tục hải quan	QT-NN-11	01
IV.	PHÒNG NỘI VỤ		
86.	Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật tín ngưỡng, tôn giáo	QT-NV-01	01
87.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	QT-NV-02	01
88.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	QT-NV-03	01
89.	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện	QT-NV-04	01
90.	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	QT-NV-05	01
91.	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội	QT-NV-06	01
92.	Thủ tục thành lập hội	QT-NV-07	01
93.	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội	QT-NV-08	01
94.	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	QT-NV-09	01
95.	Thủ tục đổi tên hội	QT-NV-10	01
96.	Thủ tục hội tự giải thể	QT-NV-11	01
97.	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	QT-NV-12	01
98.	Thủ tục thẩm định việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	QT-NV-13	01

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần BH
99.	Thẩm định việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	QT-NV-14	01
100.	Thẩm định việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	QT-NV-15	01
101.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	QT-NV-16	01
102.	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến	QT-NV-17	01
103.	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở	QT-NV-18	01
104.	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	QT-NV-19	01
105.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	QT-NV-20	01
106.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đợt xuất.	QT-NV-21	01
107.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại.	QT-NV-22	01
108.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện cho gia đình.	QT-NV-23	01
109.	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện	QT-NV-24	01
110.	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	QT-NV-25	01
111.	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	QT-NV-26	01
112.	Thẩm định thành lập tổ chức hành chính	QT-NV-27	01
113.	Thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính	QT-NV-28	01
114.	Thẩm định giải thể tổ chức hành chính	QT-NV-29	01
115.	Thi tuyển công chức	QT-NV-30	01
116.	Xét tuyển công chức	QT-NV-31	01
117.	Thi tuyển viên chức	QT-NV-32	01
118.	Xét tuyển viên chức	QT-NV-33	01
119.	Tiếp nhận vào làm công chức	QT-NV-34	01
120.	Tiếp nhận vào làm viên chức	QT-NV-35	01
121.	Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	QT-NV-36	01
122.	Thẩm định đề án vị trí việc làm (trong các tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập)	QT-NV-37	01

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần BH
123.	Thẩm định điều chỉnh đề án vị trí việc làm (trong các tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập)	QT-NV-38	01
124.	Thủ tục hành chính về thẩm định số lượng người làm việc	QT-NV-39	01
125.	Thủ tục hành chính về thẩm định điều chỉnh số người làm việc	QT-NV-40	01
V.	PHÒNG TƯ PHÁP		
126.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT-TP-01	01
127.	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT-TP-02	01
128.	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT-TP-03	01
129.	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT-TP-04	01
130.	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT-TP-05	01
131.	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT-TP-06	01
132.	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT-TP-07	01
133.	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	QT-TP-08	01
134.	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-TP-09	01
135.	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của Công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-TP-10	01
136.	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (Khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	QT-TP-11	01
137.	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT-TP-12	01
138.	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT-TP-13	01
139.	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT-TP-14	01
140.	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	QT-TP-15	01
141.	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT-TP-16	01
142.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QT-TP-17	01

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần BH
143.	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ văn bản(áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp cho cả người chùng chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	QT-TP-18	01
144.	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT-TP-19	01
145.	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT-TP-20	01
146.	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng giao dịch đã được chứng thực	QT-TP-21	01
147.	Thủ tục chứng thực hợp đồng giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	QT-TP-22	01
148.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài, cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QT-TP-23	01
149.	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của phòng tư pháp	QT-TP-24	01
150.	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của phòng tư pháp	QT-TP-25	01
151.	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	QT-TP-26	01
152.	Thủ tục chứng nhận văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	QT-TP-27	01
153.	Thủ tục công nhận báo cáo viên pháp	QT-TP-28	01
154.	Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật	QT-TP-29	01
155.	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	QT-TP-30	01
156.	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	QT-TP-31	01
157.	Phục hồi danh dự	QT-TP-32	01
158.	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-TP-33	01
VI.	VĂN HÓA- THÔNG TIN		
159.	Đăng ký tổ chức lễ hội	QT-VHTT-01	01
160.	Thông báo tổ chức lễ hội	QT-VHTT-02	01
161.	Xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm	QT-VHTT-03	01

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần BH
162.	Xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa	QT-VHTT-04	01
163.	Công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	QT-VHTT-05	01
164.	Công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	QT-VHTT-06	01
165.	Công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	QT-VHTT-07	01
166.	Công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	QT-VHTT-08	01
167.	Công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	QT-VHTT-09	01
168.	Thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT-VHTT-10	01
169.	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT-VHTT-11	01
170.	Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT-VHTT-12	01
171.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện)	QT-VHTT-13	01
172.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện)	QT-VHTT-14	01
173.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện)	QT-VHTT-15	01
174.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện)	QT-VHTT-16	01
175.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện)	QT-VHTT-17	01
176.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền	QT-VHTT-18	01

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần BH
	giải quyết của UBND cấp huyện)		
177.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-VHTT-19	01
178.	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-VHTT-20	01
179.	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-VHTT-21	01
180.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-VHTT-22	01
181.	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy (cấp huyện)	QT-VHTT-23	01
182.	Thay đổi thông tin cơ sở dịch vụ photocopy	QT-VHTT-24	01
183.	Cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	QT-VHTT-25	01
184.	Cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	QT-VHTT-26	01
VII.	THANH TRA HUYỆN		
185.	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện	QT-TTr-01	01
186.	Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp huyện	QT-TTr-02	01
187.	Giải quyết tố cáo cấp huyện	QT-TTr-03	01
188.	Xử lý đơn thư tại cấp huyện	QT-TTr-04	01
189.	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	QT-TTr-05	01
190.	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	QT-TTr-06	01
191.	Thủ tục thực hiện việc giải trình	QT-TTr-07	01
192.	Tiếp công dân tại cấp	QT-TTr-08	01
VIII.	LĨNH VỰC Y TẾ		
193.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Điện Biên	QT-YT-01	01
IX.	DÂN TỘC		
194.	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QT-DT-01	01
195.	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QT-DT-02	01